CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây lắp III Petrolimex

Ngày 31/12/2025	8,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.5%	**-**	**-7.8%**

DT thuần
Q4/25
195
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105| 117%

LN thuần
Q4/25
-0.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.05| -214%

LN sau thuế
Q4/25
0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01| 2.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.7%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2025
3.4%
YoY: +/-▲ 1.6%

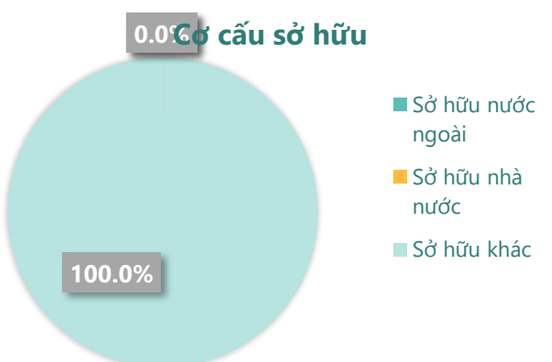
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 11,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	400
P/E	20.8

DT thuần
2025
392
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 124| 46.0%

LN thuần
2025
1.34
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.50| 947%

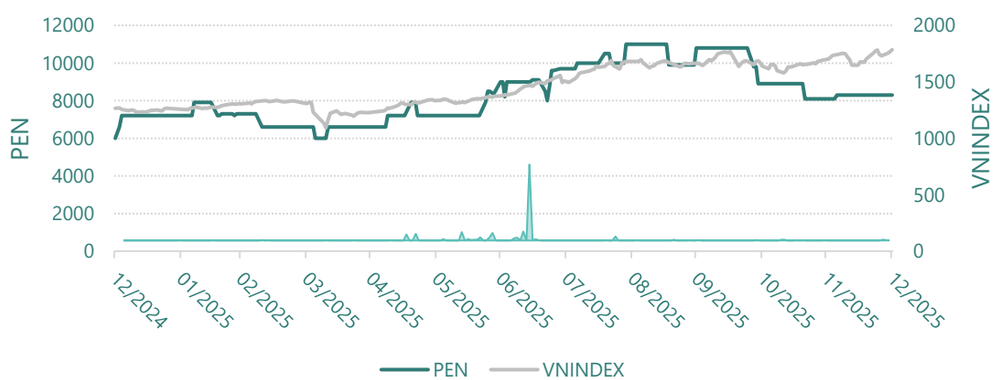
LN sau thuế
2025
2.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.99| 97.8%

Cơ cấu sở hữu

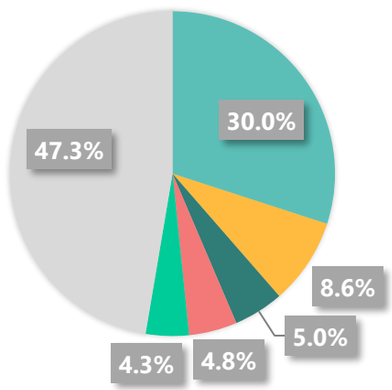


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

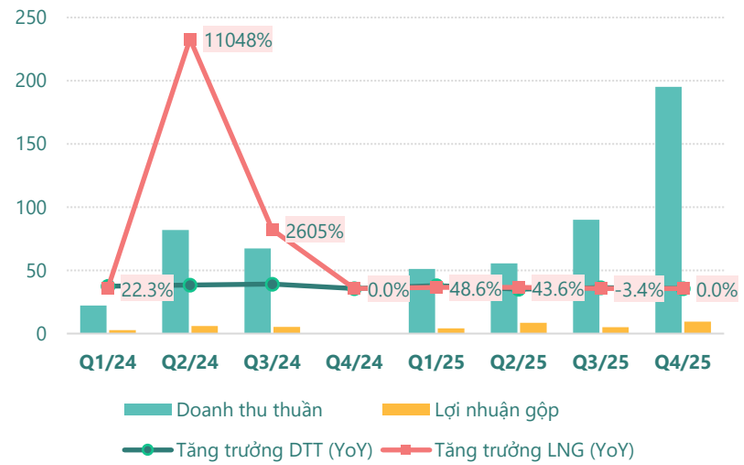


- Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex
- Lê Huy Thủy
- Nguyễn Thị Phượng (Phó Giám đốc)
- Vũ Lộc
- Nguyễn Hồng Kỳ (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

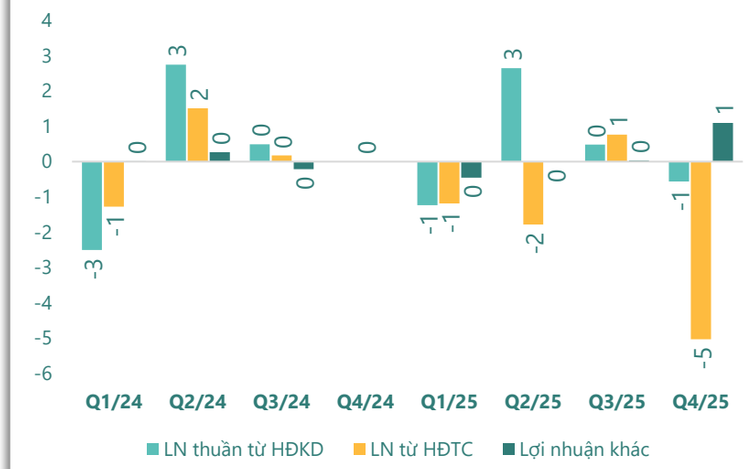
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



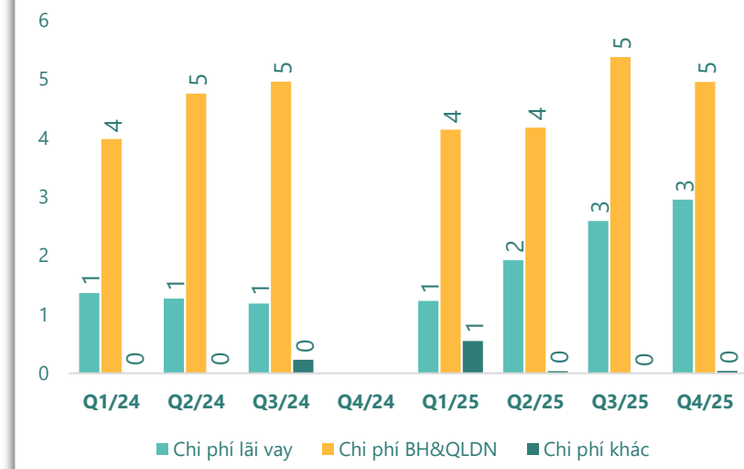
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



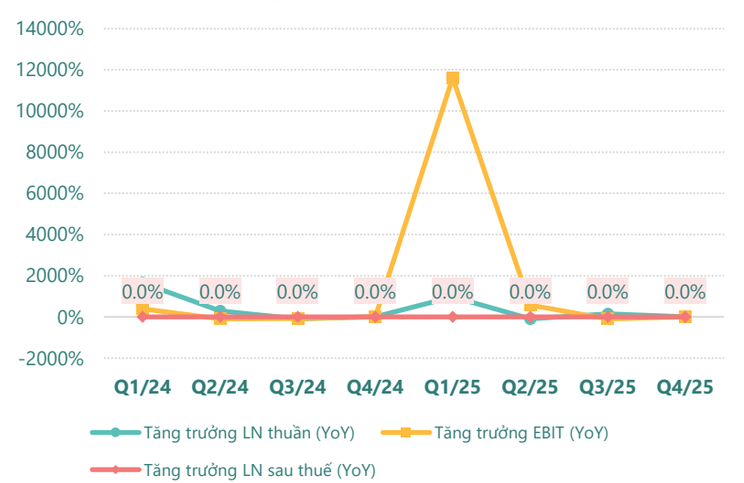
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



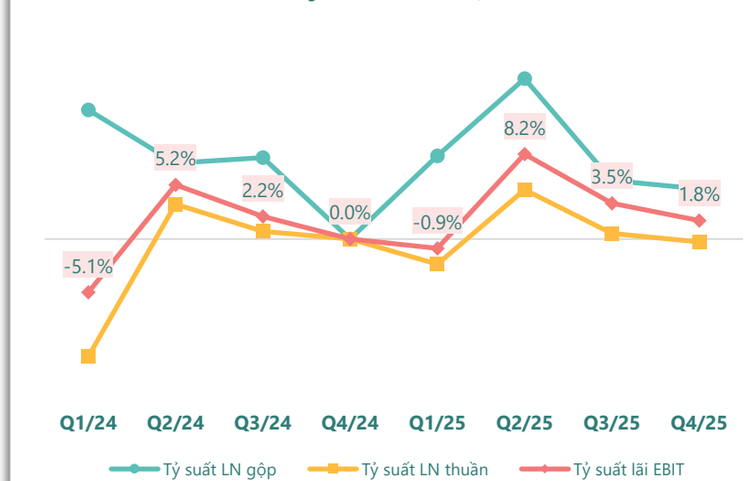
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



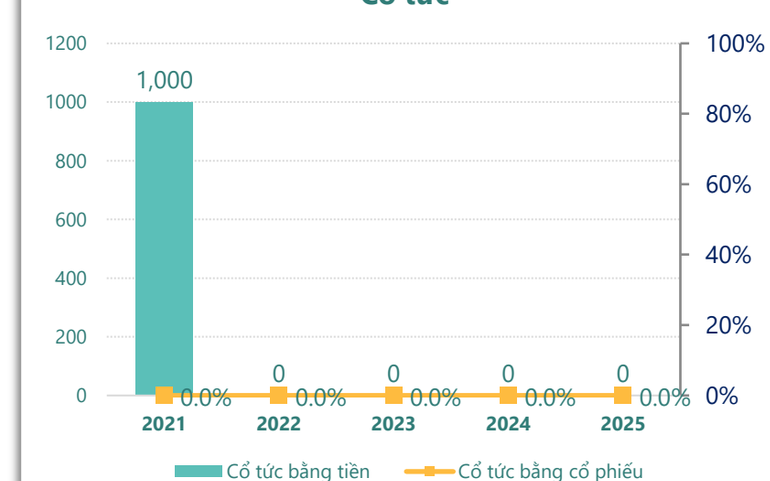
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

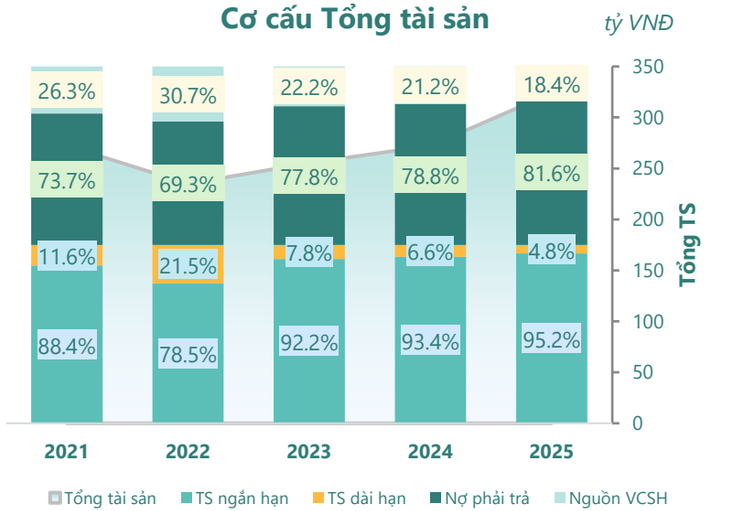
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

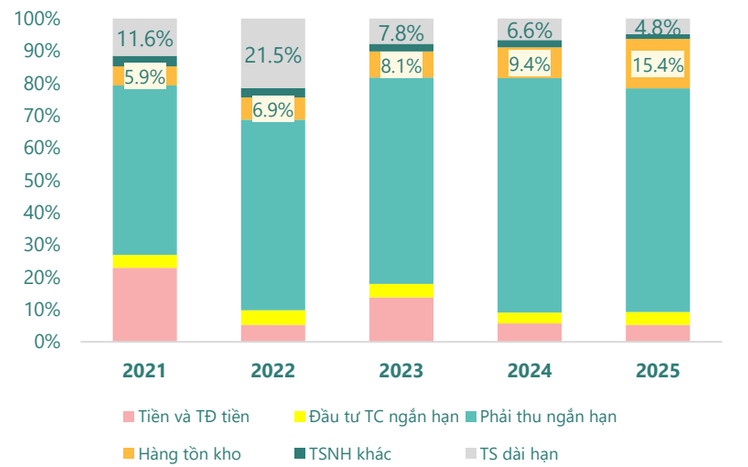
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



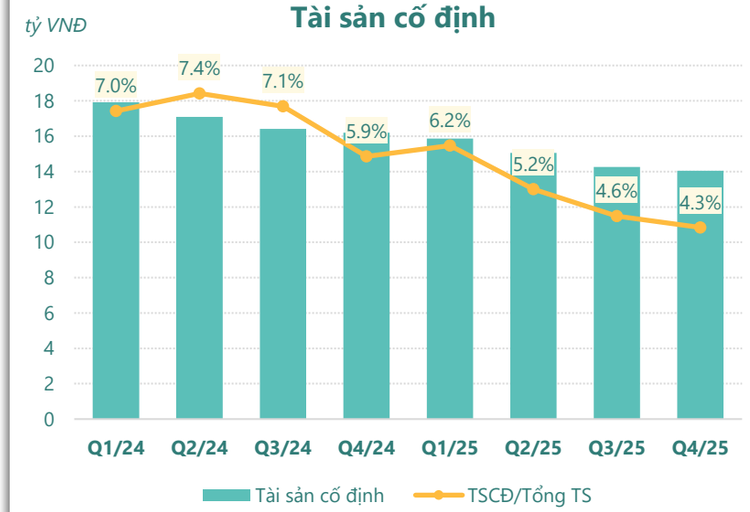
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



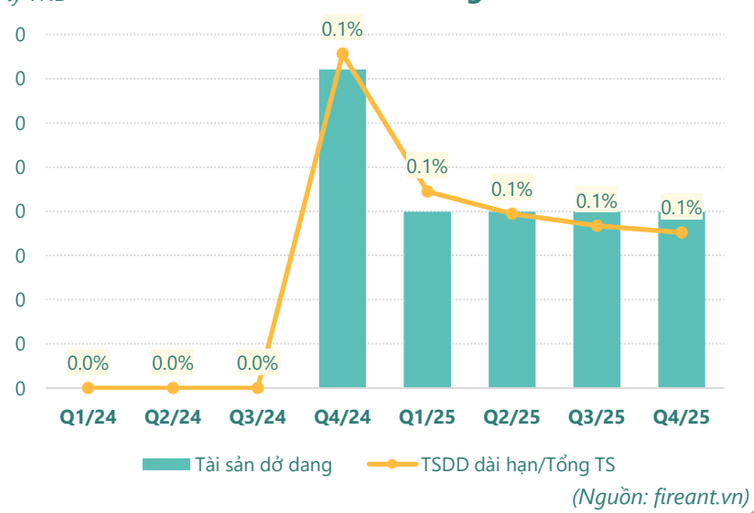
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



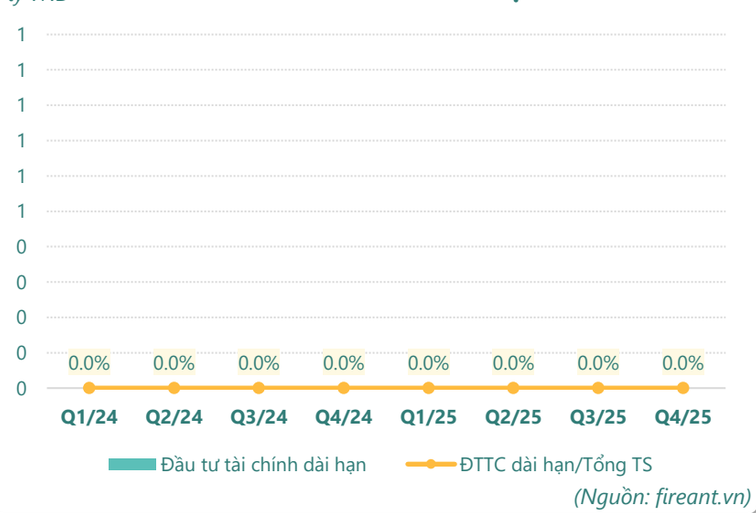
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



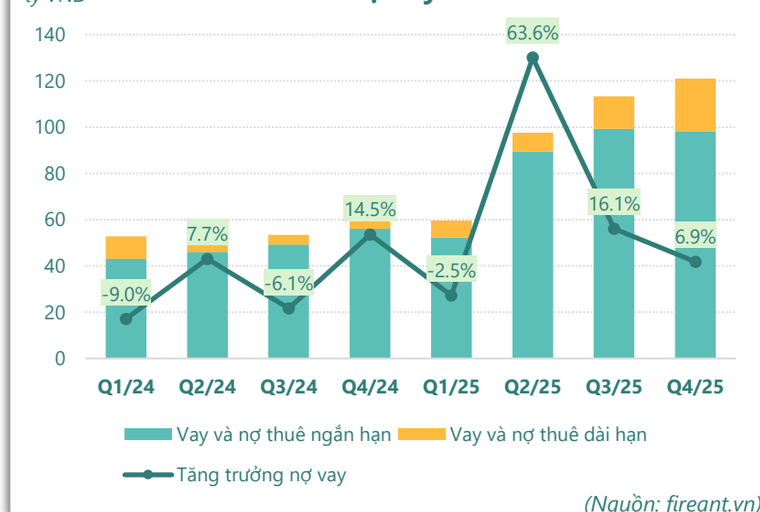
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

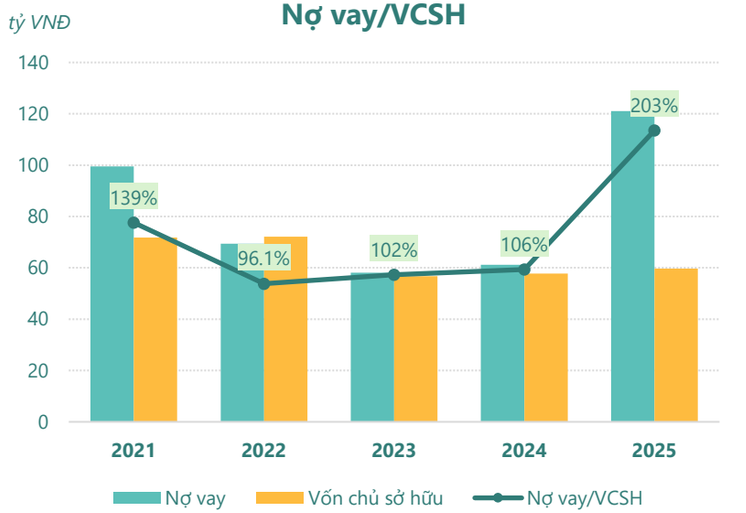
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

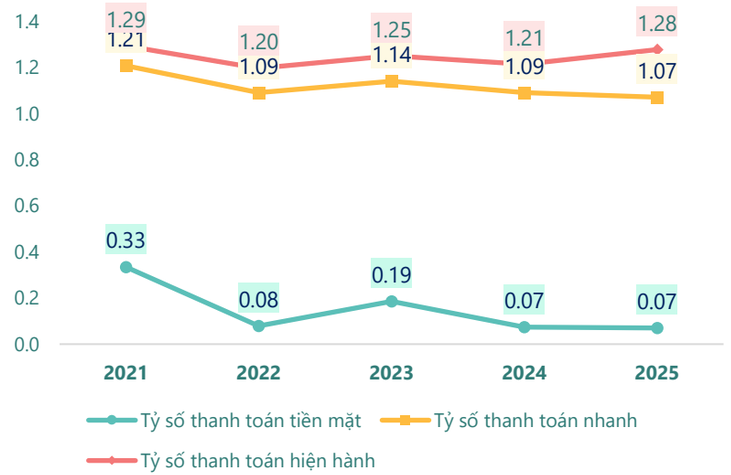
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



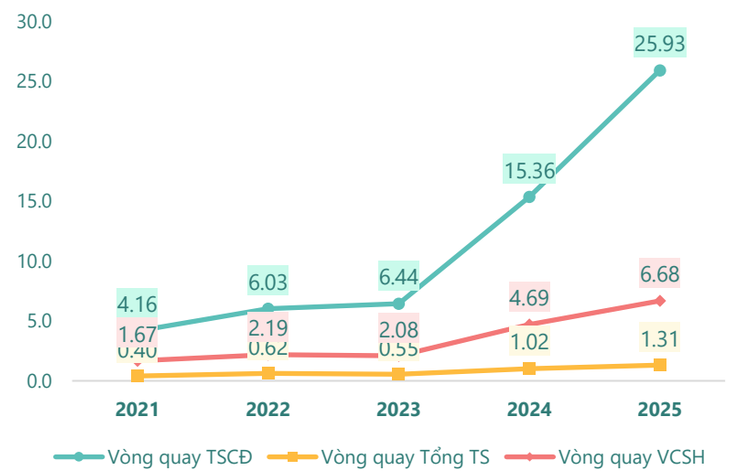
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



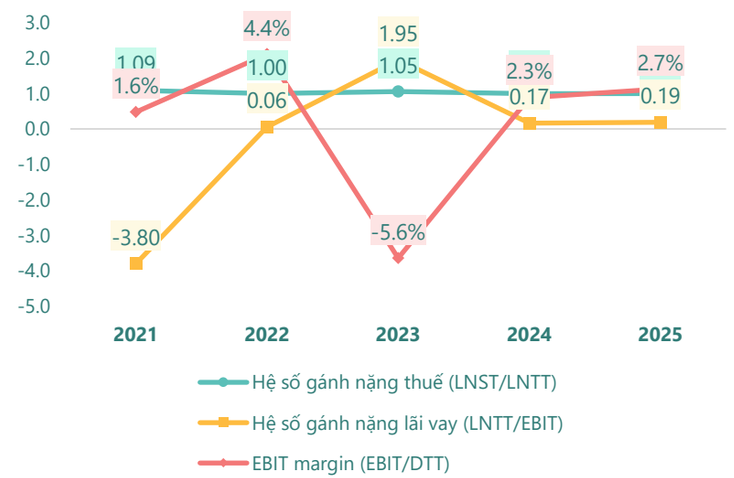
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



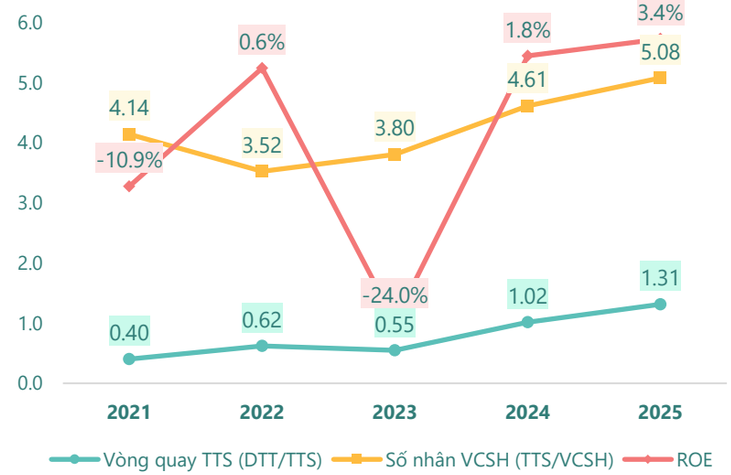
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



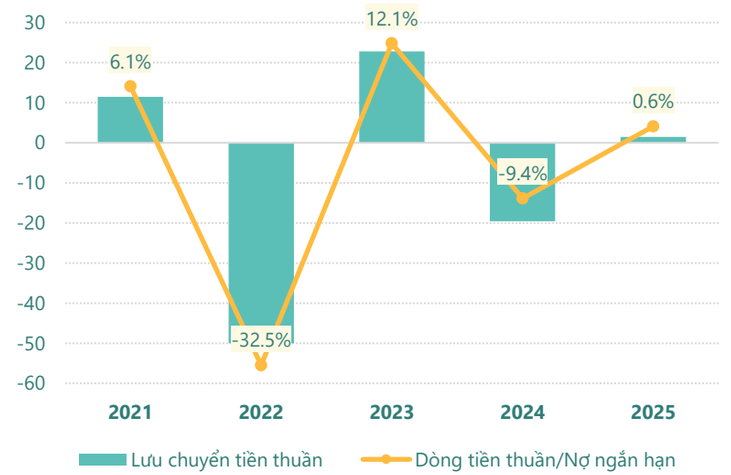
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**195**			**392**	**268**	**46.0%**
Giá vốn hàng bán	186			365	247	47.8%
Lợi nhuận gộp	9.43			27.2	21.6	25.9%
Doanh thu HĐTC	-1.41			2.71	4.44	-38.9%
Chi phí TC	3.62			9.95	5.16	92.8%
Chi phí lãi vay	2.95			8.70	5.13	69.5%
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06			0.17	0.10	69.6%
Chi phí QLDN	**4.89**			**18.5**	**21.0**	**-11.8%**
LN thuần từ HĐKD	-0.56			1.34	-0.16	947%
Lợi nhuận khác	**1.09**			**0.66**	**1.17**	**-43.6%**
LN trước thuế	0.53			2.00	1.02	96.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.53**			**2.00**	**1.01**	**97.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.53**			**2.00**	**1.01**	**97.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.82	0	8.20	-49.8	-13.4	-2.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0	-2.04	1.34	0.02	-0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.46	0	-1.53	37.9	15.7	7.80
Tiền đầu kỳ	9.24	0	15.4	20.1	9.52	11.8
Lưu chuyển tiền thuần	**6.38**	**0**	**4.63**	**-10.5**	**2.27**	**5.14**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.03	-0.03	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	15.6	0	20.1	9.52	11.8	16.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**324**	**272**	**18.9%**
Tài sản ngắn hạn	308	254	21.2%
Tiền và tương đương tiền	16.9	15.4	9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	9.16	42.2%
Phải thu ngắn hạn	224	198	13.2%
Hàng tồn kho	49.8	25.7	93.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.72	6.35	-25.7%
Tài sản dài hạn	**15.6**	**18.1**	**-13.6%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.01	50.0%
Tài sản cố định	14.0	16.2	-13.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.36	-44.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.34**	**1.49**	**-10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	264	215	23.1%
Nợ ngắn hạn	**241**	**210**	**15.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.2	56.1	75.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.4	35.7	29.8%
Nợ dài hạn	22.9	5.14	346%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.9	5.09	350%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**59.7**	**57.7**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**59.7**	**57.7**	**3.5%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)